

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2018

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thành**

2. Ông **Trần Thanh Tùng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hứa Quốc Thái** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 553/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lê Hoàng N** sinh năm: 1987

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Chị **Phan Thị Hoa L** sinh năm: 1987

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú hiện nay: thôn X, xã Y, huyện T, tỉnh Quảng Bình

(Anh N có mặt, chị L xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh Lê Hoàng N trình bày: Anh và chị Phan Thị Hoa L tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, chị L có tính hay ghen và không tôn trọng gia đình chồng. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 11 năm 2017 thì anh và chị L không còn chung sống với nhau, không có hàn gắn tình cảm. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị L nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: anh và chị L có 01 con chung tên Lê Khánh L, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013 hiện đang sống với chị L. Nay anh đồng ý để chị L nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con

mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai không ghi ngày tháng năm bị đơn là chị Phan Thị Hoa L trình bày: Chị thống nhất với anh N về thời gian, điều kiện kết hôn; thời gian, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và con chung. Nay anh N xin ly hôn chị đồng ý. Về con chung: chị yêu cầu được nuôi con, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nhưng để anh N tự nguyện cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Lê Hoàng N và chị Phan Thị Hoa L tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2011 được Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19 tháng 9 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống anh N và chị L đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như trên và có thời gian dài không còn chung sống với nhau cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho anh N ly hôn với chị L là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh N và chị L có 01 con chung tên Lê Khánh L, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013 hiện đang sống với chị L, anh chị thống nhất đồng ý để chị L nuôi con, anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Hoàng N và chị Phan Thị Hoa L.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao 01 con chung tên Lê Khánh L, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho chị Phan Thị Hoa L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Anh Lê Hoàng N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh N.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh N chậm thi hành đối với việc cấp dưỡng nuôi con như trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: anh Lê Hoàng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 09038 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè; anh N còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với chị L thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

